

Số: 13
Ngày 08/4/2019

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN MỚI

- 1. Xác định thời điểm bố trí sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước.*
- 2. Phê duyệt quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025.*
- 3. Thực hiện thủ tục Biên phòng điện tử thông qua Cổng thông tin thủ tục Biên phòng.*
- 4. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ.*
- 5. Quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp.*
- 6. Triển khai thực hiện Đề án “Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch” năm 2019.*
- 7. Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới.*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- 1. Xin hỏi quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?*
- 2. Các hành vi nào bị nghiêm cấm trong quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?*
- 3. Quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc?*
- 4. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. XÁC ĐỊNH THỜI ĐIỂM BỐ TRÍ SỬ DỤNG NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Ngày 28/3/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 30/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở về xác định thời điểm bố trí sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước.

Cụ thể trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở, có hợp đồng thuê nhà, có tên trong hợp đồng thuê nhà thì thời điểm bố trí sử dụng nhà ở được xác định như sau: Nếu thời điểm bố trí sử dụng nhà ở được ghi trong hợp đồng thuê nhà thì xác định theo thời điểm ghi trong hợp đồng; nếu trong hợp đồng thuê nhà ở không ghi thời điểm bố trí sử dụng nhà ở thì xác định theo thời điểm ký kết hợp đồng đó; nếu thuộc diện ký lại hợp đồng hoặc gia hạn hợp đồng thuê nhà thì thời điểm bố trí sử dụng được xác định theo thời điểm nêu tại hợp đồng ký kết đầu tiên; nếu người trực tiếp sử dụng nhà ở có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền thuê nhà ở trước khi ký kết hợp đồng thuê nhà ở thì thời điểm bố trí sử dụng nhà ở được xác định theo thời điểm nộp tiền thuê nhà ở; trường hợp khi ký kết hợp đồng thuê nhà ở mà cơ quan có thẩm quyền đã truy thu tiền thuê nhà ở (có giấy tờ chứng minh việc truy thu tiền thuê nhà ở) thì thời điểm bố trí sử dụng nhà ở được xác định theo thời điểm tính truy thu tiền thuê nhà ở; nếu người trực tiếp sử

dụng nhà ở có quyết định hoặc văn bản phân phối bố trí sử dụng nhà ở và có tên trong văn bản đó trước thời điểm ký kết hợp đồng thuê nhà thì thời điểm bố trí sử dụng được xác định theo thời điểm ghi trong văn bản bố trí sử dụng; nếu trong văn bản bố trí sử dụng không ghi thời điểm thì xác định theo thời điểm ban hành văn bản đó; trường hợp đang thực tế sử dụng nhà ở, không có hợp đồng thuê nhà nhưng có tên trong văn bản bố trí sử dụng thì thời điểm bố trí sử dụng nhà ở được xác định theo thời điểm ghi trong văn bản đó; nếu trong văn bản bố trí sử dụng không ghi thời điểm thì xác định theo thời điểm ban hành văn bản này; trường hợp đang thực tế sử dụng nhà ở thuộc diện nhận chuyển quyền thuê nhà ở (có hợp đồng thuê nhà hoặc có văn bản bố trí sử dụng nhà ở này nhưng không có tên trong hợp đồng hoặc trong văn bản đó) thì thời điểm bố trí sử dụng nhà ở được xác định theo thời điểm người đầu tiên có tên trong hợp đồng hoặc văn bản bố trí sử dụng nhà ở.

Nghị định cũng quy định trường hợp đã ký kết hợp đồng mua bán nhà ở trước ngày 15/5/2019 thì không thực hiện xác định lại thời điểm bố trí sử dụng nhà ở. Trường hợp đã nộp hồ sơ mua nhà ở trước ngày 15/5/2019 nhưng đến ngày 15/5/2019, các bên chưa ký kết hợp đồng mua bán nhà ở thì thực hiện xác định thời điểm bố trí sử dụng nhà ở theo quy định của Nghị định này. Các trường hợp đã ký hợp đồng thuê nhà ở trước ngày 15/5/2019 mà

có ghi thời hạn thuê nhà ở khác với thời hạn quy định tại Nghị định này thì các bên không phải ký lại hợp đồng thuê nhà ở. Trường hợp đến ngày 15/5/2019 mà thuộc diện gia hạn hoặc ký lại hợp đồng thuê nhà ở thì thời hạn thuê nhà ở được xác định theo quy định của Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2019.

2. PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ BÁO CHÍ TOÀN QUỐC ĐẾN NĂM 2025

Ngày 03/4/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 362/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 nhằm sắp xếp hệ thống báo chí gắn với đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo chí để phát triển hệ thống báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử; xây dựng một số cơ quan báo chí chủ lực, đa phương tiện làm nòng cốt, có vai trò định hướng dư luận xã hội, thông tin đối ngoại; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, phóng viên, biên tập viên có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển báo chí trong tình hình mới.

Đối với báo và tạp chí in: Sắp xếp hệ thống các cơ quan báo in gắn với đổi mới mô hình tổ chức, quản lý theo hướng giảm số lượng cơ quan báo in, mỗi cơ quan có thể có nhiều ấn phẩm (trong đó có 01 ấn phẩm chính và có thể có một số ấn phẩm khác). Cụ thể: Ban Chấp hành Trung ương có Báo Nhân dân, Tạp chí Cộng sản. Báo Nhân dân thực hiện theo mô hình cơ quan truyền thông

đa phương tiện. Văn phòng Quốc hội, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước mỗi cơ quan có 01 cơ quan báo in và 01 cơ quan tạp chí in. Bộ, cơ quan ngang bộ có 01 cơ quan báo và 01 cơ quan tạp chí. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Quân đội nhân dân và Báo Công an nhân dân thực hiện theo mô hình cơ quan truyền thông đa phương tiện. Học viện, viện nghiên cứu, các trường đại học, bệnh viện đủ điều kiện theo quy định được có cơ quan tạp chí khoa học chuyên ngành. Các cơ quan tạp chí này thực hiện tự chủ theo quy định của pháp luật. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có 01 cơ quan báo thuộc Đảng bộ cấp tỉnh, 01 cơ quan tạp chí thuộc hội văn học - nghệ thuật tỉnh.

Đối với phát thanh, truyền hình: đổi mới theo hướng tập trung sản xuất chương trình, bảo đảm thời lượng phát sóng chương trình sản xuất trong nước của kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương đạt tỷ lệ tối thiểu 70% tổng thời lượng phát sóng trong 01 ngày của từng kênh chương trình (trong đó, thời lượng chương trình tự sản xuất mới đạt tối thiểu 30% thời lượng các chương trình sản xuất trong nước); việc khai thác các nội dung từ kênh chương trình nước ngoài tập trung vào tin thời sự quốc tế, khoa học, kỹ thuật, thể thao, giải trí và không vượt quá 30% tổng thời lượng phát sóng trong 01 ngày của kênh đó. Đến năm 2020, các đài phát thanh, truyền hình tự bảo đảm kinh phí hoạt động

thường xuyên. Nhà nước có cơ chế hỗ trợ, đặt hàng đối với các kênh, chuyên mục, chương trình phục vụ các nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu và có cơ chế phù hợp để từng bước hình thành và phát triển ngành công nghiệp sản xuất nội dung trong nước. Kênh Truyền hình Nhân dân (cơ quan chủ quản là Báo Nhân dân), kênh Truyền hình Thông tấn (cơ quan chủ quản là Thông tấn xã Việt Nam), kênh Truyền hình Đài Tiếng nói Việt Nam (cơ quan chủ quản là Đài Tiếng nói Việt Nam), kênh Truyền hình Công an Nhân dân (cơ quan chủ quản là Bộ Công an), kênh Truyền hình Quốc phòng Việt Nam (cơ quan chủ quản là Bộ Quốc phòng), kênh Truyền hình Quốc hội (cơ quan chủ quản là Văn phòng Quốc hội), không xây dựng hệ thống truyền dẫn, phát sóng riêng; các Trung tâm truyền hình khu vực của Đài Truyền hình Việt Nam chỉ thực hiện chức năng sản xuất chương trình cho Đài Truyền hình Việt Nam tại khu vực đó, không phát sóng riêng kênh chương trình khu vực.

Đối với báo điện tử và tạp chí điện tử: sắp xếp tương tự như đối với báo, tạp chí in. Tạp chí điện tử phải thể hiện đúng tính chất tạp chí, không được sử dụng giấy phép xuất bản tạp chí điện tử để xuất bản báo điện tử.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

3. THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ THÔNG QUA CÔNG THÔNG TIN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG

Để đảm bảo bình đẳng, công khai, minh bạch, nhanh chóng, an toàn, thuận tiện, đúng pháp luật về giao dịch điện tử, xuất nhập cảnh và phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, ngày 28/3/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử nhằm giúp người làm thủ tục khai báo thông tin có thể lựa chọn hình thức thực hiện thủ tục biên phòng điện tử thông qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền và cửa khẩu cảng do Bộ Quốc phòng quản lý.

Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền được thực hiện 24/24 giờ hàng ngày, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ. Người làm thủ tục khai báo hồ sơ biên phòng điện tử và nhận xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền bằng tài khoản đã được cấp tại bất kỳ nơi nào có thể truy cập Internet. Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại Nhà kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính.

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong Bộ đội Biên phòng sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội. Người làm thủ tục là người đại diện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số khi thực hiện thủ tục biên

phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền. Cá nhân công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh không bắt buộc phải sử dụng chữ ký số khi thực hiện thủ tục. Đồn trưởng Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Phó Đồn trưởng quyết định cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho người làm thủ tục biên phòng điện tử, đồng thời được quyền hủy hoặc khóa tài khoản truy cập của người làm thủ tục biên phòng điện tử trong trường hợp phát hiện nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, an toàn dữ liệu thủ tục biên phòng điện tử hoặc trong trường hợp người làm thủ tục biên phòng điện tử trong thời gian 06 tháng liên tục kể từ ngày được cấp không sử dụng tài khoản truy cập.

Quyết định còn quy định cụ thể việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền thông qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử đối với đoàn khách du lịch, đoàn khách công vụ xuất, nhập cảnh; đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất, nhập cảnh; đối với công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh; đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng...

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2019.

4. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ

Ngày 28/3/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 08/CT-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển nhanh và bền vững

ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ xuất khẩu.

Theo đó, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp thực hiện phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ bền vững, hiệu quả, hiện đại trên cơ sở hội nhập sâu vào thị trường khu vực và toàn cầu; sử dụng nguyên liệu gỗ hợp pháp; ứng dụng công nghệ tiên tiến và thiết bị hiện đại, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường trong sản xuất. Trong 10 năm tới, ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam; xây dựng thương hiệu sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, phấn đấu để Việt Nam trở thành một trong những nước hàng đầu trên thế giới về sản xuất, chế biến, xuất khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ có thương hiệu uy tín trên thị trường thế giới. Phấn đấu đưa kim ngạch xuất khẩu gỗ và lâm sản ngoài gỗ năm 2019 đạt 11 tỷ USD; năm 2020 đạt đến 13 tỷ USD; năm 2025 đạt 18 đến 20 tỷ USD; từng bước tăng tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm được chế biến sâu có thương hiệu Việt Nam, có giá trị gia tăng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể gồm: đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, tăng cường kiểm soát chất lượng điều kiện kinh doanh thông qua quá trình thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; nghiên cứu, sửa đổi các dự án luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp theo hướng tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho hoạt động của doanh nghiệp, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi; cải thiện

mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm thực chất các điều kiện kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển; tiếp tục các chính sách hỗ trợ về vốn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp về quỹ đất, mặt bằng đầu tư nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến gỗ; tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học công

nghệ trong chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ xuất khẩu; đẩy mạnh việc trồng rừng gỗ lớn, cung cấp nguyên liệu gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo yêu cầu của thị trường quốc tế; tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ, chú trọng xây dựng thương hiệu sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ Việt Nam...

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ CỦA NGÀNH TƯ PHÁP

Ngày 20/3/2019, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BTP quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp.

Hoạt động thống kê của ngành tư pháp được tiến hành trong các lĩnh vực: xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; rà soát văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức và người làm công tác pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật; hộ tịch; chứng thực; lý lịch tư pháp; nuôi con nuôi; trợ giúp pháp lý; đăng ký giao dịch bảo đảm; luật sư; công chứng; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; quản lý thanh lý tài sản; tương trợ tư pháp.

Thông tin thống kê ngành Tư pháp bao gồm dữ liệu thống kê và bản phân tích các dữ liệu đó, được thu thập để phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, hoạch định

chính sách và các nhiệm vụ khác của Bộ Tư pháp; phục vụ việc thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc trách nhiệm thực hiện của Bộ Tư pháp và góp phần phục vụ các nhu cầu của xã hội theo quy định của pháp luật. Hình thức thu thập thông tin thống kê Ngành Tư pháp: chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp; điều tra thống kê; sử dụng dữ liệu hành chính.

Trong đó, báo cáo thống kê của Ngành Tư pháp thực hiện dưới dạng biểu mẫu báo cáo thống kê, gồm các thông tin cụ thể về tên biểu báo cáo thống kê; tên cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo và nhận báo cáo (sau đây gọi là đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo); kỳ báo cáo; nội dung báo cáo; phân tổ; đơn vị tính; ngày tháng năm thực hiện báo cáo; họ tên, chữ ký của người lập biểu báo cáo, người kiểm tra biểu; họ tên, chữ ký của thủ trưởng cơ quan, tổ chức báo cáo, đóng dấu theo quy định và các nội dung khác có liên quan. Trường hợp cần làm rõ hơn các thông tin có liên quan đến số liệu nêu trong các báo cáo thống kê và các thông tin

khác có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này, đơn vị báo cáo bổ sung thêm phần thuyết minh (chú thích) theo một hoặc kết hợp các hình thức thể hiện tại vị trí cuối cùng bên ngoài khung biểu mẫu báo cáo thống kê, phía trên của phần chữ ký (trong trường hợp nội dung chú thích không nhiều) hoặc thể hiện dưới hình thức Công văn.

Báo cáo thống kê định kỳ được lập hàng năm theo định kỳ 6 tháng và một năm theo hệ thống biểu mẫu. Kỳ báo cáo thống kê 6 tháng được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6 hàng năm. Gồm số liệu thực tế và số liệu ước tính trong kỳ báo cáo. Số liệu thực tế được lấy từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/5. Kỳ báo cáo thống kê năm được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện để giúp Bộ Tư pháp thu thập, tổng hợp các thông tin ngoài các thông tin thống kê được thu thập, tổng hợp theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ và được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản có chữ ký của Lãnh đạo Bộ Tư pháp. Kết cấu, nội dung, phương thức, kỳ hạn báo cáo, thời điểm lấy số liệu, thời hạn báo cáo thống kê đột xuất, nơi nhận báo cáo và các nội dung khác có liên quan được thực hiện theo văn bản yêu cầu của Lãnh đạo Bộ Tư pháp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/5/2019.

6. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN “PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG VĂN

HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH” NĂM 2019

Ngày 27/3/2019, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định số 1180/QĐ-BVHTTDL về việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch” năm 2019.

Việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án này nhằm nâng cao nhận thức và năng lực hành động của toàn ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch; của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội về nội dung, mục đích, ý nghĩa của công tác phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, từ đó tạo chuyển biến mạnh mẽ trong các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở gia đình, cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đồng thời, tăng cường phòng ngừa, giảm các loại tội phạm, giảm các vi phạm pháp luật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; đảm bảo môi trường hoạt động kinh doanh văn hóa, thể thao và du lịch an toàn, lành mạnh; giảm số vụ vi phạm pháp luật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, nhất là các vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh lữ hành, kinh doanh lưu trú du lịch, lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan; hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng như vũ trường; karaoke, bar....

Các nội dung triển khai gồm: Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa và kết quả thực hiện Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong xây dựng gia đình, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về phòng ngừa tội phạm và phòng chống vi phạm pháp luật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch; các văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch được rà soát, hệ thống hóa; các quy định của pháp luật về phòng, chống tội phạm, quy chế, quy định về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

Thời gian triển khai thực hiện Đề án từ tháng 3 đến hết tháng 12/2019.

7. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

Nhằm tăng cường năng lực của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) mới, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng được bồi dưỡng; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, ngày 20/3/2019 Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Kế hoạch số 212/KH-BGDĐT về tổ chức bồi dưỡng triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2019.

Theo đó, đối tượng bồi dưỡng triển khai Chương trình GDPT mới gồm: giảng viên sư phạm chủ chốt; giáo viên phổ thông; hiệu trưởng các trường phổ thông; cán bộ quản lý cấp sở Giáo dục đào tạo, phòng Giáo dục đào tạo. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục, phương pháp và hình thức đánh giá kết quả giáo dục theo Chương trình GDPT mới và những yêu cầu đặt ra với từng đối tượng được bồi dưỡng: hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của giảng viên sư phạm chủ chốt, hoạt động dạy học của giáo viên phổ thông, hoạt động tổ chức quản lý các hoạt động chuyên môn của Hiệu trưởng cơ sở GDPT; tăng cường năng lực cho mỗi đối tượng được bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình GDPT mới.

Số lượng bồi dưỡng cho từng đối tượng cụ thể như sau: giảng viên sư phạm chủ chốt là 200 báo cáo viên nguồn; 6.956 giáo viên phổ thông là tổ trưởng chuyên môn, 28.000 giáo viên cốt cán; 4000 hiệu trưởng cơ sở GDPT; 1.028 cán bộ quản lý cấp Sở, Phòng giáo dục đào tạo. Thời gian thực hiện kế hoạch chia thành các giai đoạn: từ tháng 4 đến tháng 5/2019 và từ tháng 6 đến tháng 12/2019.

Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục chủ trì, phối hợp với Vụ Giáo dục Trung học, Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Giáo dục Thường; Ban Quản lý Chương trình ETEP và Ban Quản lý dự án RGEP là đầu mối tổ chức triển khai Kế hoạch này.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bộ Thông tin và Truyền thông đang tổ chức lấy ý kiến vào Dự thảo Nghị định quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công; hoạt động mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Theo đó, việc quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đối với dự án sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phải tuân thủ các quy định về phân loại dự án, trình tự, thủ tục đầu tư dự án, quản lý chi phí, quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân tại Nghị định này; việc xác định thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư, hình thức quản lý dự án, thẩm quyền thẩm định, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. Đối với dự án sử dụng nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển từ vốn nhà nước khác phải tuân thủ các quy định phân loại dự án, trình

tự, thủ tục đầu tư dự án, quản lý chi phí, quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân tại Nghị định này; việc xác định thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư, thẩm quyền thẩm định, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng nguồn vốn tương ứng. Trường hợp dự án đầu tư có hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin, việc quản lý chi phí, quản lý chất lượng hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin đó thực hiện như dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

Trình tự đầu tư dự án bao gồm các giai đoạn: chuẩn bị đầu tư; thực hiện đầu tư; kết thúc đầu tư. Các công việc trong giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư có thể thực hiện tuần tự hoặc gói đầu, xen kẽ tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án và do người có thẩm quyền quyết định đầu tư xác định.

Riêng dự án ứng dụng công nghệ thông tin khẩn cấp (dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin khẩn cấp là dự án cần thời gian triển khai dưới 12 tháng và được thực hiện giải quyết sự cố, sự vụ theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố thiên tai, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả kháng khác...) người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định trình tự khảo sát; lập, thẩm định, phê duyệt dự án; thiết kế

chi tiết và dự toán; triển khai; quản lý dự án phù hợp với mục tiêu, yêu cầu khẩn cấp, chịu trách nhiệm về việc thực hiện và tổ chức thực hiện.

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định lựa chọn trực tiếp quản lý dự án khi chủ đầu tư có đủ điều kiện, năng lực hoặc thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án đáp ứng đủ tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm khi chủ đầu tư không đủ điều kiện, năng lực. Chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án trong trường hợp trực tiếp quản lý dự án để giúp chủ đầu tư làm đầu mối quản lý dự án. Đối với dự án quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở xuống, chủ đầu tư có thể không thành lập Ban quản lý dự án mà sử dụng bộ máy chuyên môn của mình để quản lý, điều hành dự án hoặc thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để hỗ trợ quản lý dự án.

Đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí trên 200 triệu đồng đến 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm hoặc cơ sở dữ liệu, thực hiện theo đề cương và dự toán chi tiết quy định tại Mục 2

Chương này hoặc có thể thực hiện theo quy định về quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin. Đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí trên 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm hoặc cơ sở dữ liệu, thực hiện theo quy định về quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin. Việc thực hiện dự án phải tuân thủ các quy định phân loại dự án, trình tự, thủ tục đầu tư dự án, quản lý chi phí và quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân tại Nghị định này; việc xác định thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư, thẩm quyền thẩm định, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và các nội dung khác thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Xin hỏi quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?

Trả lời: Theo Điều 6 Luật số 02/2016/QH14 Quốc hội ban hành ngày 18/11/2016 về Luật tín ngưỡng, tôn giáo có quy định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người là:

- Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

- Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo.

- Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

- Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.

- Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

- Chính phủ quy định chi tiết việc bảo đảm thực hiện các quyền quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Hỏi: Các hành vi nào bị nghiêm cấm trong quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?

Trả lời: Theo Điều 5 Luật số 02/2016/QH14 Quốc hội ban hành ngày 18/11/2016 về Luật tín ngưỡng, tôn giáo có quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là:

- Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

- Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo.

- Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo.

- Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo: xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

- Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

3. Hỏi: Quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc?

Trả lời: Theo Điều 7 Luật số 02/2016/QH14 Quốc hội ban hành ngày 18/11/2016 về Luật tín ngưỡng, tôn giáo có quy định quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc là: hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ và văn bản có nội dung tương tự (sau đây gọi chung là hiến chương) của tổ chức tôn giáo; tổ chức sinh hoạt tôn giáo; xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho; các quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hỏi: Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?

Trả lời: Theo Theo Điều 9 Luật số 02/2016/QH14 Quốc hội ban hành ngày 18/11/2016 về Luật tín ngưỡng, tôn giáo có quy định nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là: tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, Luật

này và quy định khác của pháp luật có liên quan; chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật./.